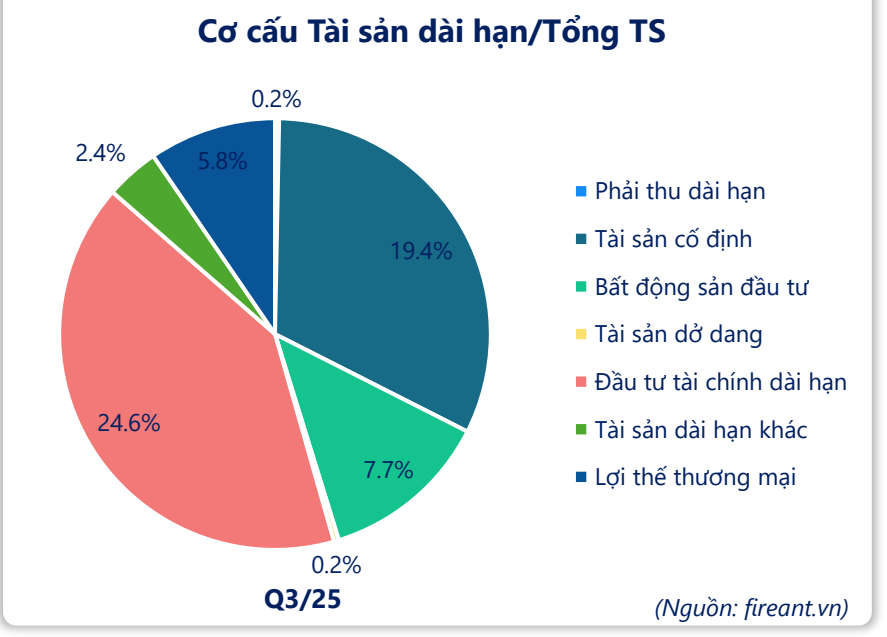
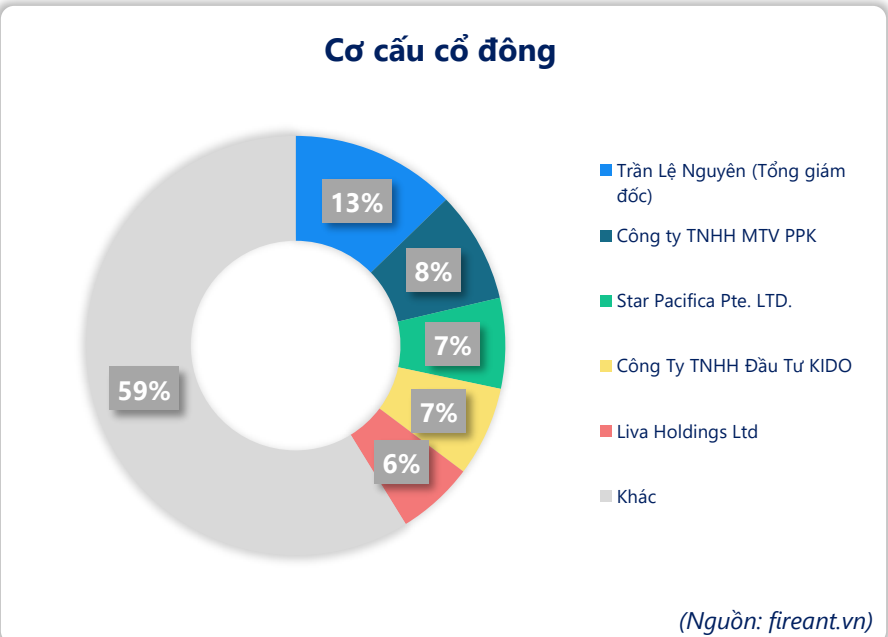
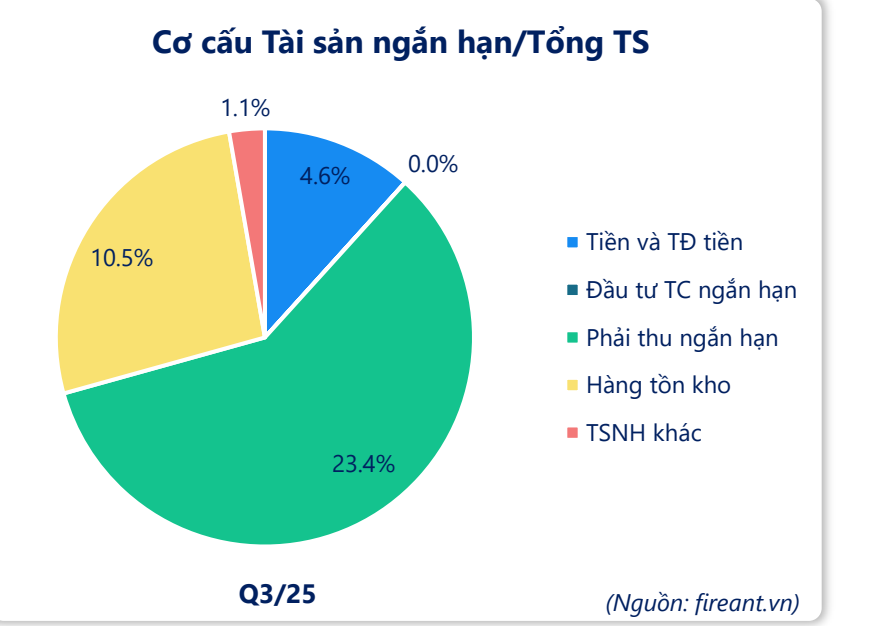
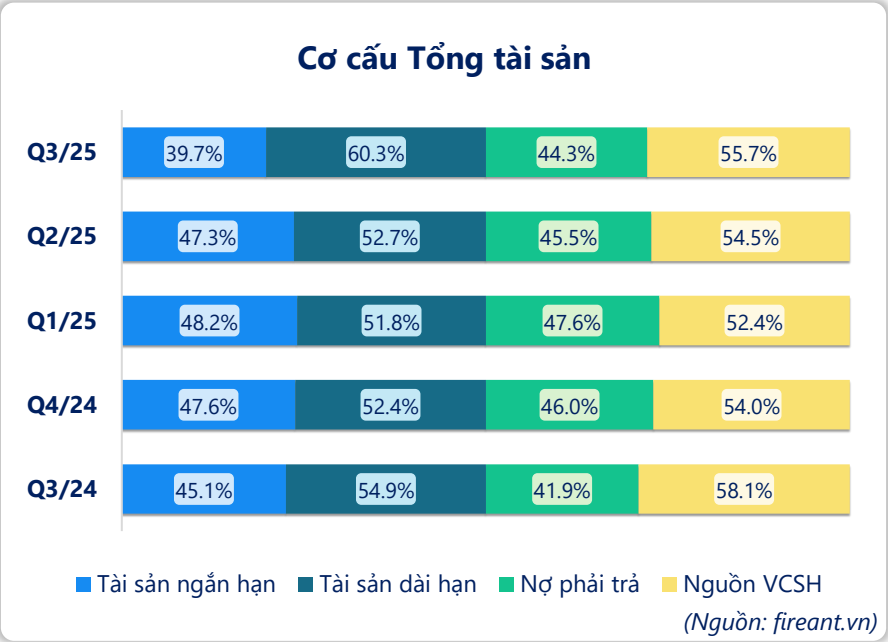
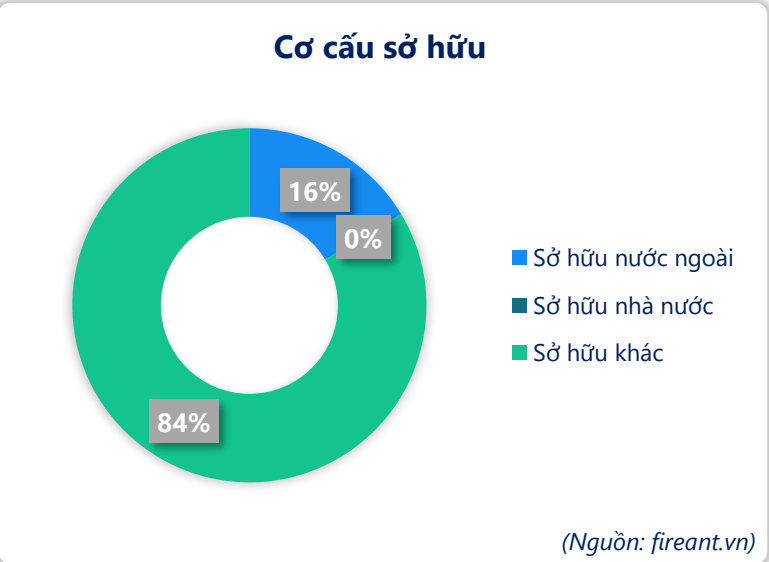
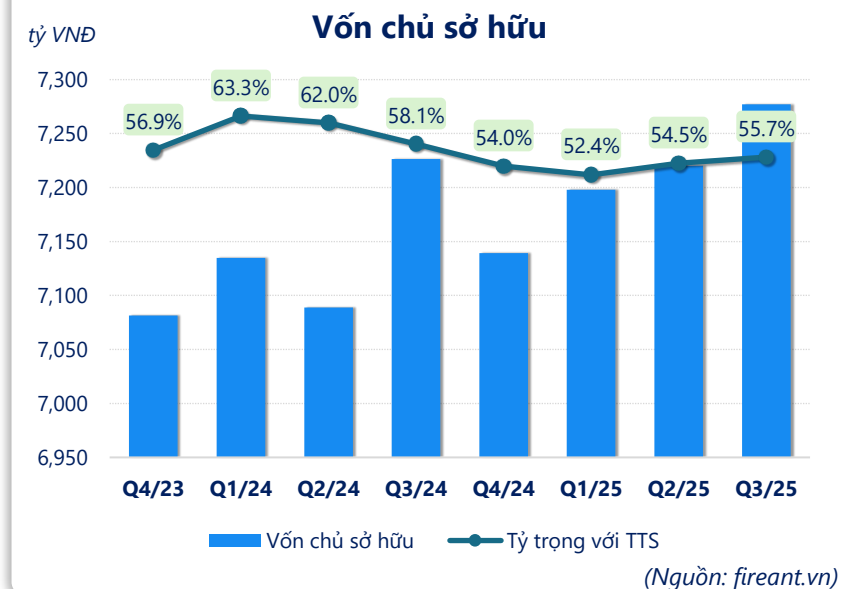
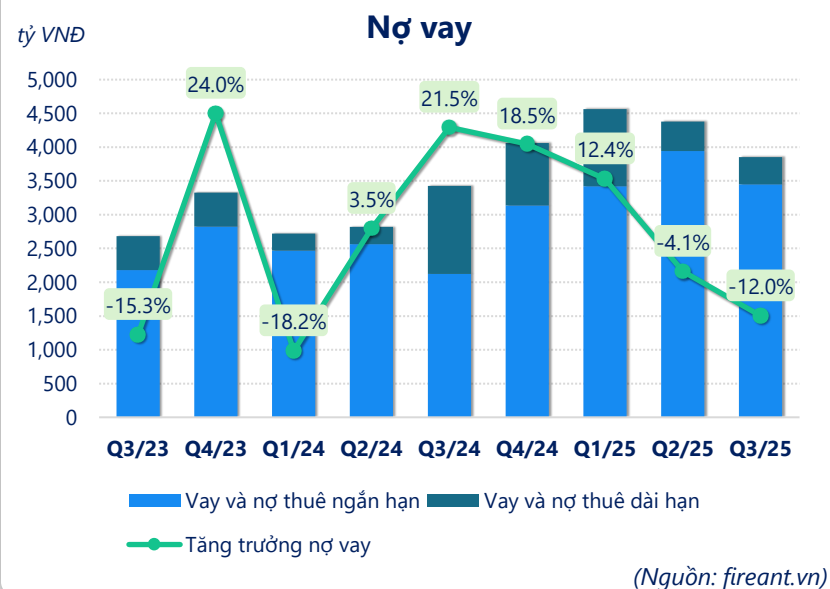
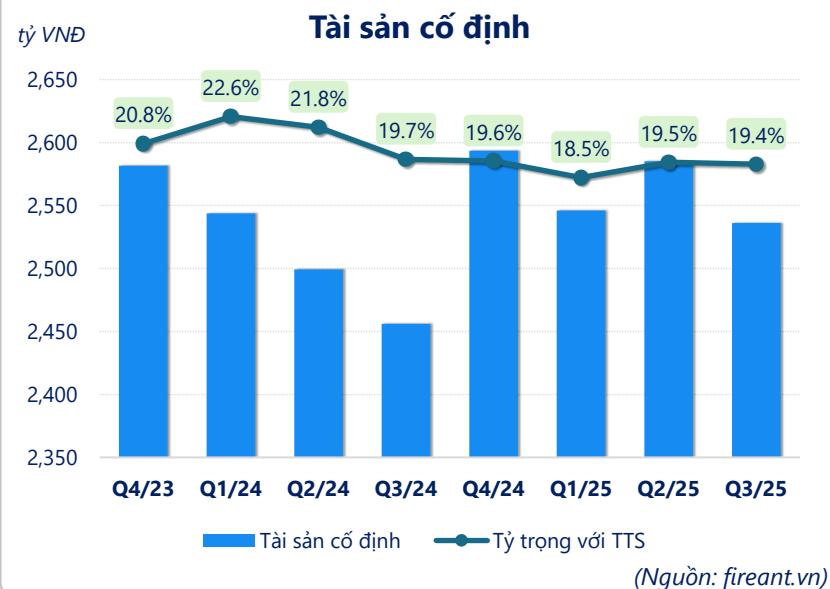
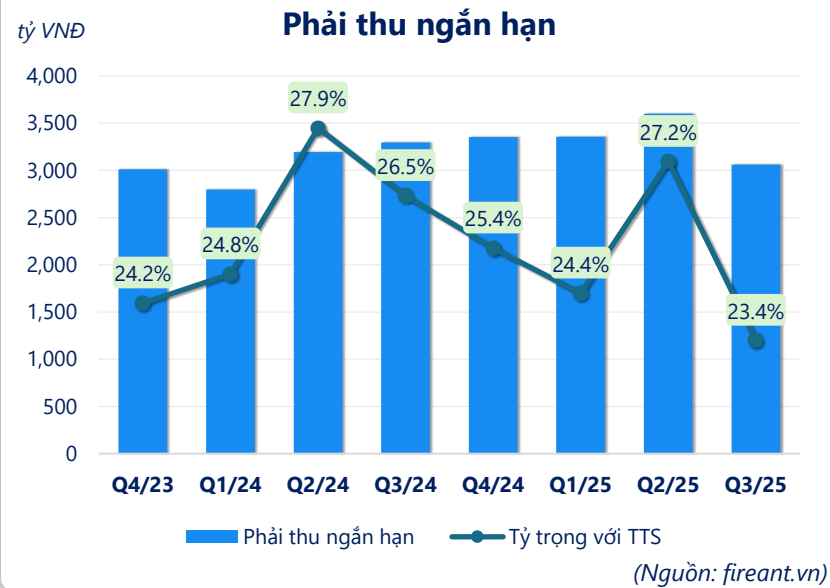
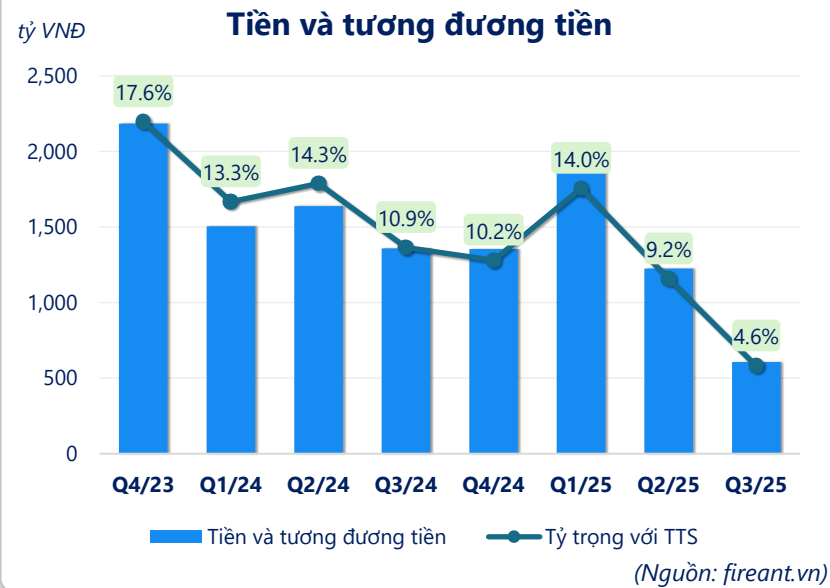
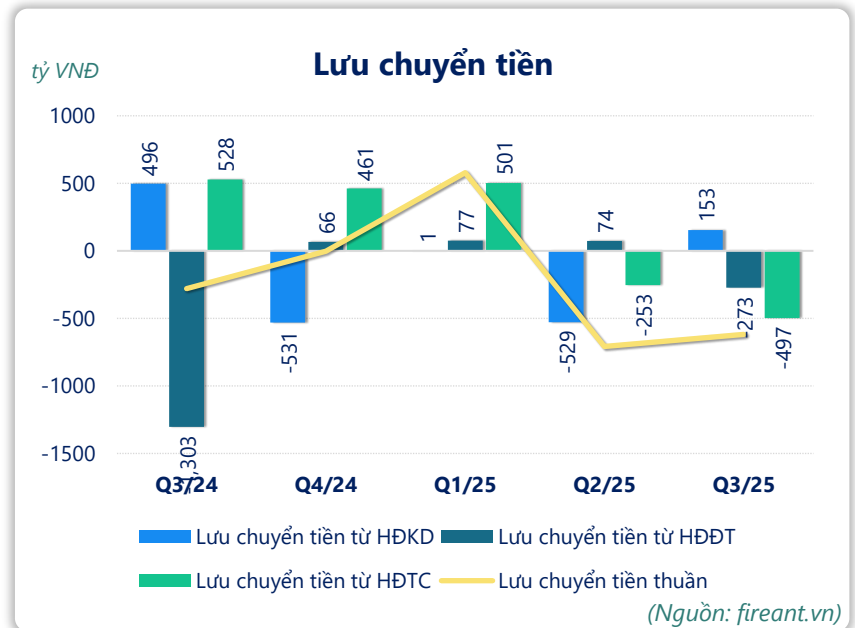
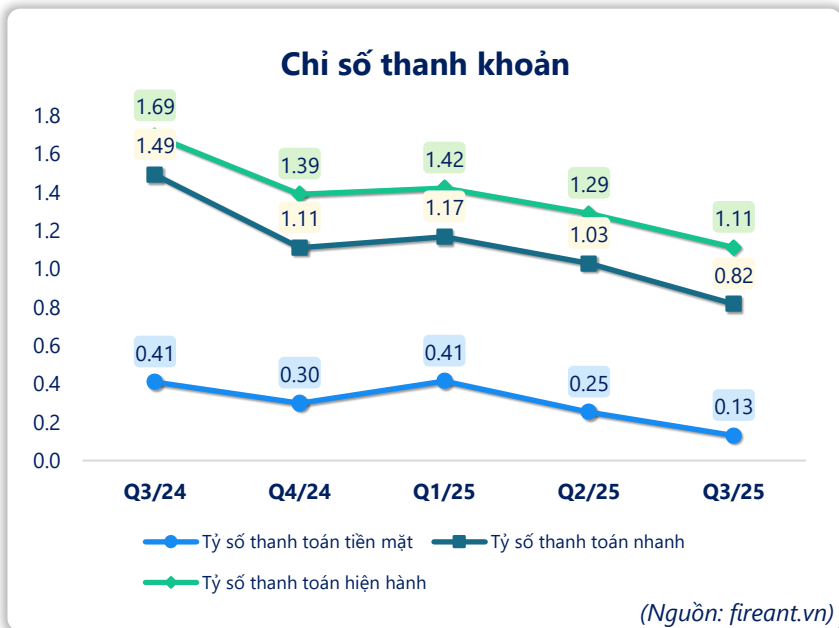
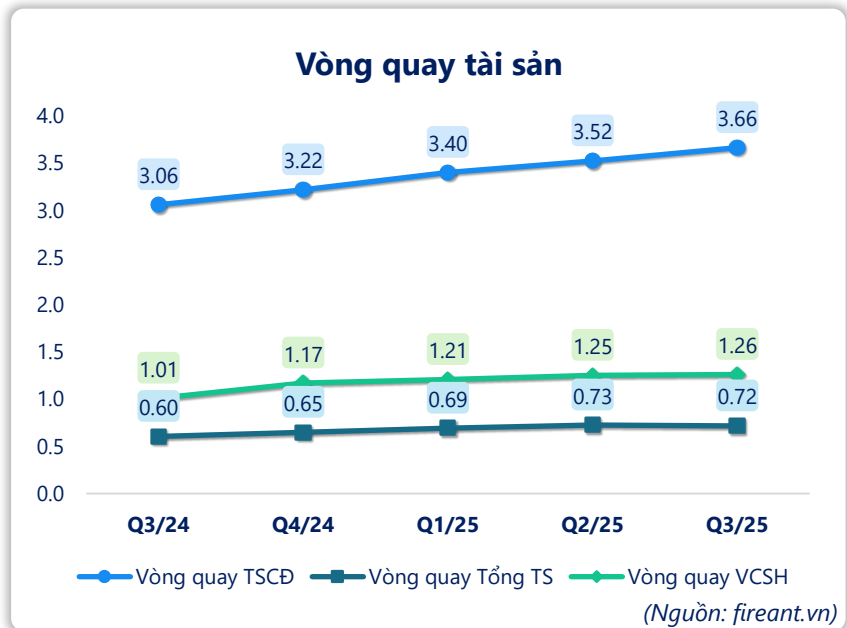
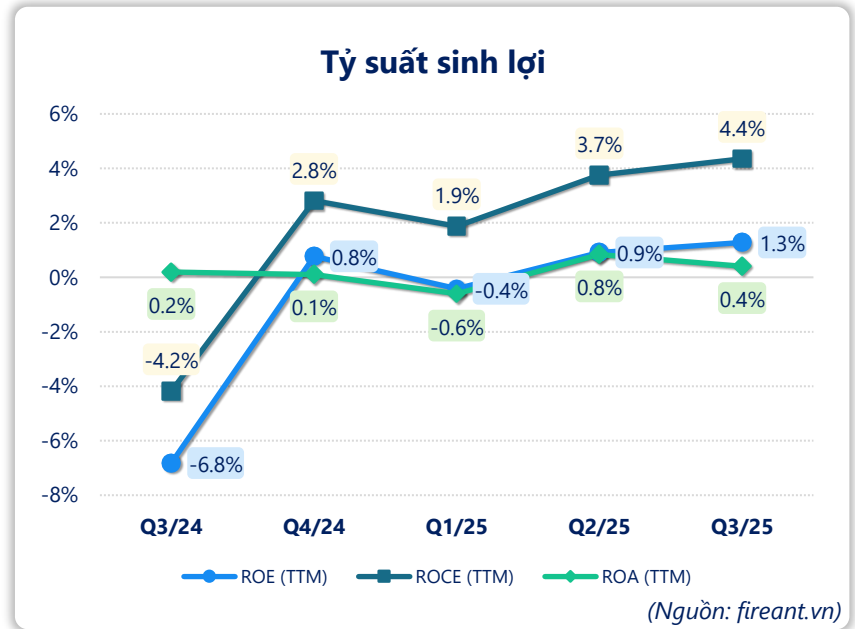
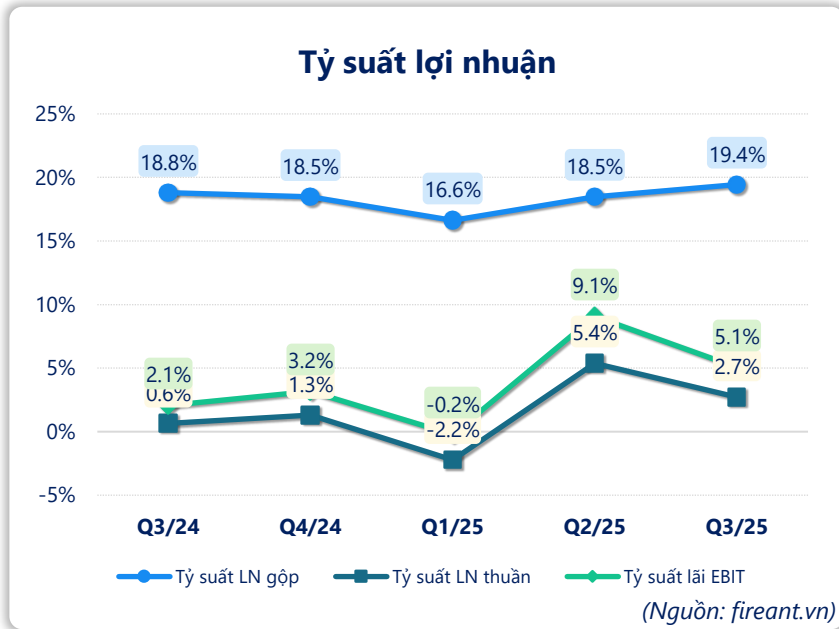
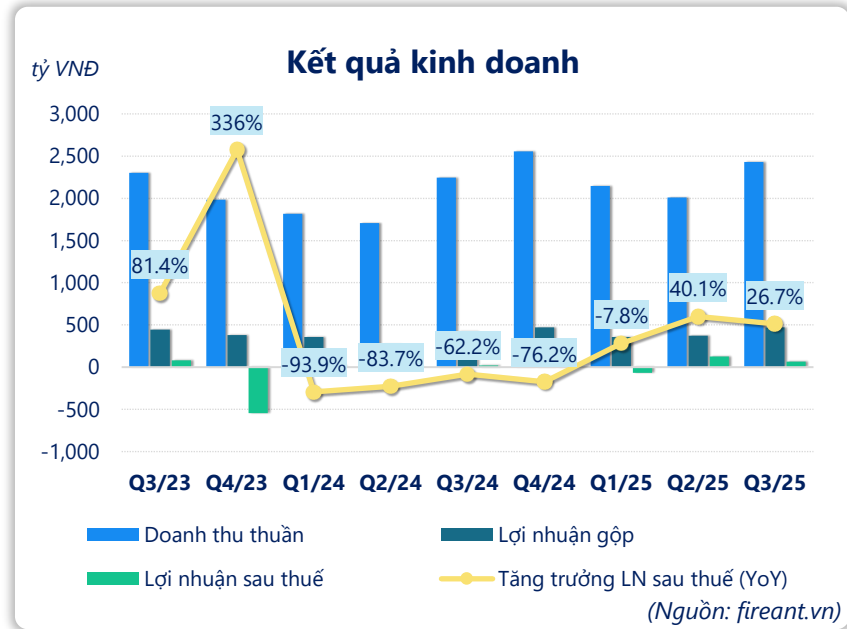


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		51,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		59,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		49,950
SL cổ phiếu LH		289,806,316
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,219,510
% sở hữu nước ngoài		16.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		14,983
P/E		161.4
EPS		320

	YTD	1T	3T	6T
KDC	-12.2%	-3.9%	-8.3%	-5.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,075	13,480	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	5,188	6,299	-17.6%
Tiền và tương đương tiền	607	1,353	-55.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	174	-99.8%
Phải thu ngắn hạn	3,060	3,351	-8.7%
Hàng tồn kho	1,378	1,274	8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	143	147	-2.7%
Tài sản dài hạn	7,887	7,180	9.8%
Phải thu dài hạn	24.3	21.2	14.4%
Tài sản cố định	2,536	2,593	-2.2%
Bất động sản đầu tư	1,006	1,043	-3.6%
Tài sản dở dang	29.5	65.0	-54.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,221	2,253	43.0%
Tài sản dài hạn khác	317	367	-13.7%
Lợi thế thương mại	753	838	-10.2%
Nợ phải trả	5,798	6,214	-6.7%
Nợ ngắn hạn	4,663	4,582	1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,448	3,188	8.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	378	692	-45.3%
Nợ dài hạn	1,135	1,632	-30.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	405	873	-53.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,277	7,265	0.2%
Vốn chủ sở hữu	7,277	7,265	0.2%
Vốn điều lệ	2,898	2,898	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,244	2,556	2,146	2,011	2,429
Giá vốn hàng bán	1,822	2,084	1,789	1,639	1,957
Lợi nhuận gộp	422	472	357	372	472
Doanh thu HĐTC	34.7	45.0	33.7	127	35.9
Chi phí TC	32.6	48.2	53.2	53.6	51.5
Chi phí lãi vay	31.0	44.2	42.4	50.9	50.0
LN trong công ty LKLD	44.6	27.4	21.3	64.7	88.3
Chi phí bán hàng	326	321	285	278	336
Chi phí QLDN	128	141	121	123	144
LN thuần từ HĐKD	14.3	33.7	-47.8	108	65.8
Lợi nhuận khác	1.05	3.25	0.79	23.3	7.12
LN trước thuế	15.4	36.9	-47.0	131	72.9
Lợi nhuận sau thuế	21.5	13.8	-67.3	125	66.7
LNST của CĐ cty mẹ	24.4	13.2	-75.5	103	51.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	496	-531	0.91	-529	153
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,303	66.5	76.6	74.1	-273
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	528	461	501	-253	-497
Tiền đầu kỳ	1,637	1,358	1,353	1,931	1,225
Lưu chuyển tiền thuần	-279	-3.46	579	-708	-618
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0	0.00	1.23	0
Tiền cuối kỳ	1,358	1,355	1,931	1,225	607

(Nguồn: fireant.vn)